

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ
TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 20



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Căng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Tấn Hòa	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 20 tháng 02 năm 2013)
Ông Lê Cự Tân	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 20 tháng 02 năm 2013)
Ông Lê Văn Ngà	Thành viên
Ông Phạm Hùng Phương	Thành viên
Ông Trần Hoài Đức	Thành viên (bổ nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2013)
Ông Tô Ngọc Thụ	Thành viên (bổ nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2013)

Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Ngà	Giám đốc
Ông Vũ Khánh Vinh	Phó Giám đốc
Ông Tô Ngọc Thụ	Phó Giám đốc
Ông Phạm Hùng Phương	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Lê Văn Ngà
Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2013

Số: 091 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kinh gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 12 tháng 8 năm 2013, từ trang 03 đến trang 20. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính soát xét kèm theo bao gồm số liệu so sánh trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 chưa được soát xét. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến cho các số liệu này.



Lê Đình Tứ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0488-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 12 tháng 8 năm 2013
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Đặng Thị Lợi
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1529-2013-001-1

100
C
TRÁC
D
1/1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		53.585.147.553	45.457.892.361
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	20.363.461.471	33.020.144.762
1. Tiền	111		3.443.278.770	7.797.753.868
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.920.182.701	25.222.390.894
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30.614.352.795	10.705.560.545
1. Phải thu khách hàng	131		14.660.679.705	10.895.171.191
2. Trả trước cho người bán	132		11.764.453.025	50.110.000
3. Các khoản phải thu khác	135	6	5.733.751.574	1.257.550.024
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.544.531.509)	(1.497.270.670)
III. Hàng tồn kho	140	7	1.218.557.557	1.200.713.124
1. Hàng tồn kho	141		1.218.557.557	1.200.713.124
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.388.775.730	531.473.930
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		823.173.126	439.979.307
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		82.588.981	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		483.013.623	91.494.623
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		395.887.472.748	405.007.607.937
I. Tài sản cố định	220		395.738.550.475	405.007.607.937
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	392.502.333.560	404.856.262.434
- Nguyên giá	222		483.724.434.296	482.873.604.799
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(91.222.100.736)	(78.017.342.365)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	74.999.997	116.181.261
- Nguyên giá	228		311.989.714	311.989.714
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(236.989.717)	(195.808.453)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	3.161.216.918	35.164.242
II. Tài sản dài hạn khác	260		148.922.273	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	148.922.273	-
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		449.472.620.301	450.465.500.298

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 01-DN
Đơn vị: VND


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		45.181.938.096	47.180.221.470
I. Nợ ngắn hạn	310		45.181.938.096	47.180.221.470
1. Phải trả người bán	312		4.047.562.316	1.522.423.207
2. Người mua trả tiền trước	313		637.074.401	370.526.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	464.209.338	313.724.683
4. Phải trả người lao động	315		1.175.567.994	2.172.761.076
5. Chi phí phải trả	316		508.406.078	1.384.118.831
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	33.064.372.934	39.473.159.159
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.284.745.035	1.943.508.514
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		404.290.682.205	403.285.278.828
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	404.290.682.205	403.285.278.828
1. Vốn điều lệ	411		400.000.000.000	400.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.780.464.227	1.014.941.379
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		173.779.067	63.433.889
4. Lợi nhuận chưa phân phối	420		1.336.438.911	2.206.903.560
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		449.472.620.301	450.465.500.298

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/6/2013	31/12/2012
1. Ngoại tệ các loại (Đô la Mỹ)	6.446,59	6.450,13


Nguyễn Hữu Hoan
Kế toán trưởng





Lê Văn Nga
Giám đốc
Ngày 12 tháng 8 năm 2013


01-002-C
CÔNG TY
DẦU KHÍ
TỔNG HỢP
PTSC
THANH HÓA
TỈNH TĨNH GIÀ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013	Từ 01/01/2012
			đến 30/6/2013	đến 30/6/2012
				(chưa xoát xét)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	77.336.772.087	38.191.229.120
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		77.336.772.087	38.191.229.120
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	17	71.199.751.849	30.426.785.792
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		6.137.020.238	7.764.443.328
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.034.229.002	1.703.873.255
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	19	6.596.612.801	5.561.832.628
7. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		574.636.439	3.447.069.084
8. Thu nhập khác	31		1.210.318.000	51.539.480
9. Chi phí khác	32		2.276.918	1.206.465
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.208.041.082	50.333.015
11. Lợi nhuận trước thuế	50		1.782.677.521	3.497.402.099
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	20	446.238.610	1.236.322.607
13. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	52		-	(361.670.466)
14. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		1.336.438.911	2.622.749.958
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	33	66


Nguyễn Hữu Hoan
Kế toán trưởng


Lê Văn Nga
Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 (chưa xoát xét)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>1.782.677.521</i>	<i>3.497.402.099</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	13.047.507.351	12.834.344.892
Các khoản dự phòng	03	47.260.839	76.911.782
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(2.116.408)	(175.524)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.032.112.594)	(1.703.697.731)
<i>3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi về vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>13.843.216.709</i>	<i>14.704.785.518</i>
Thay đổi các khoản phải thu	09	(20.430.161.070)	39.047.141.052
Thay đổi hàng tồn kho	10	(17.844.433)	(319.168.394)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(1.594.732.979)	(11.619.957.148)
Giảm chi phí trả trước	12	(395.703.819)	(640.929.567)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(87.961.363)	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	15	(1.266.945.820)	(233.987.475)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(9.950.132.775)	40.937.883.986
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(3.740.779.518)	(5.115.228.413)
2. Tiền thu lãi tiền gửi	27	1.032.112.594	1.703.697.731
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.708.666.924)	(3.411.530.682)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(12.658.799.699)	37.526.353.304
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	33.020.144.762	31.135.167.527
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2.116.408	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	20.363.461.471	68.661.520.831

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm số tiền 460.935.837 đồng (tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 0 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên thay đổi các khoản phải trả.



Nguyễn Hữu Hoan
Kê toán trưởng



Lê Văn Nga
Giám đốc
Ngày 12 tháng 8 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2801448559 ngày 28 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp. Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cảng dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 13 tháng 11 năm 2009. Cổ đông chính và là công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “PTSC”).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 313 người (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 313 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến dịch vụ vận tải (cung cấp vật tư, thiết bị, thực phẩm phục vụ ngành dầu khí; dịch vụ đại lý tàu biển; cung cấp dịch vụ thù tài, dịch vụ hạ thủy, nâng hạ nặng, dịch vụ cân); bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (kinh doanh phân đạm và hóa chất phục vụ nông nghiệp); bốc xếp hàng hóa (vận chuyển, bốc xếp, bảo quản, kiểm đếm và giao nhận hàng hóa); quản lý, điều hành kinh doanh và khai thác cảng, căn cứ dịch vụ kỹ thuật dầu khí, kinh doanh các dịch vụ cảng; kinh doanh vận tải đa phương thức trong và ngoài nước; cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí; chế tạo, sửa chữa, bảo dưỡng cơ khí; cung cấp dịch vụ kiểm tra không phá hủy, xử lý nhiệt trước và sau khi hàn.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC (“Thông tư 228”) ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù, các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

0-0
HÀN
3 T
EM HU
IT
NA
HỒ

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ
DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA**

Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 34
Máy móc và thiết bị	2 - 16
Phương tiện vận tải	2 - 3
Thiết bị văn phòng	2 - 5
Tài sản khác	4 - 15

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị phần mềm máy tính. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong hai năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm một số máy móc thiết bị không đủ tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC và phí tên miền cho website của Công ty. Các khoản này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CHÍNH SÁCH CHIA SẺ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của kỳ kế toán đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành việc cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	413.432.929	325.461.218
Tiền gửi ngân hàng	3.029.845.841	7.472.292.650
Các khoản tương đương tiền	16.920.182.701	25.222.390.894
	<u>20.363.461.471</u>	<u>33.020.144.762</u>

Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn trong vòng 3 tháng tại Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương với lãi suất từ 7%/năm đến 8%/năm.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải thu Ủy ban Nhân dân xã Nga Hưng	5.000.000.000	-
Phải thu liên quan đến xây dựng trường mầm non	-	1.136.347.573
Khác	733.751.574	121.202.451
	<u>5.733.751.574</u>	<u>1.257.550.024</u>

Phải thu Ủy ban Nhân dân xã Nga Hưng, liên quan đến khoản tiền Công ty thanh toán hộ PTSC cho việc hỗ trợ Ủy ban Nhân dân xã Nga Hưng, huyện Nga Sơn xây dựng trường tiểu học.

7. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Nguyên liệu, vật liệu	794.811.829	984.193.243
Công cụ, dụng cụ	423.745.728	216.519.881
	<u>1.218.557.557</u>	<u>1.200.713.124</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ
DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA**

Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia

Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2013	435.128.055.802	38.895.615.865	1.304.542.885	5.304.961.385	2.240.428.862	482.873.604.799
Tăng trong kỳ	1.009.209.952	-	55.172.727	-	11.280.000	1.075.662.679
Giảm khác	-	(63.454.545)	(150.098.637)	-	(11.280.000)	(224.833.182)
Tại ngày 30/6/2013	<u>436.137.265.754</u>	<u>38.832.161.320</u>	<u>1.209.616.975</u>	<u>5.304.961.385</u>	<u>2.240.428.862</u>	<u>483.724.434.296</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2012	67.114.523.114	8.290.192.937	623.709.974	1.379.867.470	609.048.870	78.017.342.365
Khấu hao trong kỳ	11.102.031.034	1.532.961.730	155.002.240	396.698.970	106.485.306	13.293.179.280
Giảm khác	-	(21.151.515)	(66.329.394)	-	(940.000)	(88.420.909)
Tại ngày 30/6/2013	<u>78.216.554.148</u>	<u>9.802.003.152</u>	<u>712.382.820</u>	<u>1.776.566.440</u>	<u>714.594.176</u>	<u>91.222.100.736</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2013	<u>357.920.711.606</u>	<u>29.030.158.168</u>	<u>497.234.155</u>	<u>3.528.394.945</u>	<u>1.525.834.686</u>	<u>392.502.333.560</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>368.013.532.688</u>	<u>30.605.422.928</u>	<u>680.832.911</u>	<u>3.925.093.915</u>	<u>1.631.379.992</u>	<u>404.856.262.434</u>

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 799.182.788 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 683.122.427 đồng).

Giảm khác trong kỳ chủ yếu liên quan đến một số tài sản không đủ tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định, Công ty chuyển sang chi phí trả trước dài hạn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Khấu hao trong kỳ được ghi nhận vào:

<i>Chi phí sản xuất kinh doanh</i>	13.006.326.087
<i>Quỹ phúc lợi hình thành tài sản cố định</i>	286.853.193
	<u>13.293.179.280</u>

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2013 và ngày 30/6/2013	311.989.714
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2013	195.808.453
Khấu hao trong kỳ	41.181.264
Tại ngày 30/6/2013	<u>236.989.717</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 30/6/2013	<u>74.999.997</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>116.181.261</u>

01/13
 CHI
 CỔ
 PHẦN
 DỊCH
 VỤ

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ
DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA**

Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Dự án nhà công vụ phục mở rộng Cảng Nghi Sơn	35.164.242	35.164.242
Công trình xây dựng nhà nghỉ cho thuê	1.832.770.916	-
Công trình cải tạo văn phòng cho thuê	1.260.230.851	-
Công trình đường nối đến khu vực bãi và nhà nghỉ cho thuê	33.050.909	-
	<u>3.161.216.918</u>	<u>35.164.242</u>

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/6/2013
	VND
Tên miền website	12.510.000
Tài sản không đủ tiêu chuẩn ghi nhận TSCD theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	136.412.273
	<u>148.922.273</u>

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	154.189.092
Thuế thu nhập doanh nghiệp	459.724.487	101.447.240
Thuế thu nhập cá nhân	4.484.851	58.088.351
	<u>464.209.338</u>	<u>313.724.683</u>

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	96.011.749	96.981.222
Phải trả PTSC	32.002.428.376	35.947.033.633
Phải trả khác	965.932.809	3.429.144.304
	<u>33.064.372.934</u>	<u>39.473.159.159</u>

Khoản phải trả PTSC, công ty mẹ bao gồm:

27.002.428.376 đồng, liên quan đến tài sản chuyển giao cho Công ty giai đoạn trước cổ phần hóa sẽ được Công ty thanh toán dần qua các năm tùy theo tình hình tài chính vào hàng năm. Khoản phải trả này không chịu lãi suất.

5.000.000.000 đồng, liên quan đến khoản tiền nhận từ PTSC cho việc hỗ trợ Ủy ban Nhân dân xã Nga Hưng Huyện Nga Sơn xây dựng trường tiểu học.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ
DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA**

Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/01/2012	400.000.000.000	-	-	1.268.676.788	401.268.676.788
Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	-	(1.268.676.788)	(1.268.676.788)
Trích quỹ trong năm	-	1.014.941.379	63.433.889	-	1.078.375.268
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	2.206.903.560	2.206.903.560
Số dư tại ngày 31/12/2012	400.000.000.000	1.014.941.379	63.433.889	2.206.903.560	403.285.278.828
Phân phối lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	(2.206.903.560)	(2.206.903.560)
Trích quỹ trong kỳ	-	1.765.522.848	110.345.178	-	1.875.868.026
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	1.336.438.911	1.336.438.911
Số dư tại ngày 30/6/2013	400.000.000.000	2.780.464.227	173.779.067	1.336.438.911	404.290.682.205

Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên số 261/NQ-DKTH-ĐHCĐ ngày 05 tháng 4 năm 2013, Công ty đã tiến hành phân phối lợi nhuận năm 2012 để trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền lần lượt là 1.765.522.848 đồng, 110.345.187 đồng và 331.035.534 đồng.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh, vốn điều lệ của Công ty là 400.000.000.000 đồng, tương đương 40.000.000 cổ phần thường với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Vốn điều lệ đã được góp đủ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Vốn đã góp VND
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	54,69	218.773.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Tài chính Dầu khí	43,75	175.000.000.000
Các cổ đông khác	1,56	6.227.000.000
	100	400.000.000.000

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

15. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý. Công ty hiện không có hơn một bộ phận cả theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý mà chỉ hoạt động ở một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là quản lý, điều hành kinh doanh và khai thác cảng, căn cứ dịch vụ kỹ thuật dầu khí, kinh doanh các dịch vụ cảng; dịch vụ cảng và cung ứng hàng hóa, nhiên liệu và chỉ ở một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND (chưa soát xét)
Doanh thu bán hàng	42.827.620.312	5.775.763.683
Doanh thu cung cấp dịch vụ	34.509.151.775	32.415.465.437
	77.336.772.087	38.191.229.120

002-
H
Y
T
M
13/11

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ
DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA**

Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND (chưa xoát xét)
Giá vốn bán hàng	42.451.966.815	5.835.457.023
Giá vốn cung cấp dịch vụ	28.747.785.034	24.591.328.769
	<u>71.199.751.849</u>	<u>30.426.785.792</u>

18. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND (chưa xoát xét)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.237.834.529	2.650.234.184
Chi phí nhân công	10.538.637.148	10.099.773.894
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.047.507.351	12.834.344.892
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.872.883.901	2.945.612.421
Chi phí khác	1.774.853.267	1.751.169.397
	<u>35.471.716.196</u>	<u>30.281.134.788</u>

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND (chưa xoát xét)
Lương	2.574.691.067	2.497.530.360
Khấu hao	492.263.348	362.021.190
Chi phí khác thanh toán bằng tiền	3.529.658.386	2.702.281.078
	<u>6.596.612.801</u>	<u>5.561.832.628</u>

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND (chưa xoát xét)
Lợi nhuận trước thuế	1.782.677.521	3.497.402.099
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	2.276.918	1.447.888.329
Thu nhập chịu thuế	<u>1.784.954.439</u>	<u>4.945.290.428</u>
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>446.238.610</u>	<u>1.236.322.607</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ
DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA**

Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đối với hoạt động chính, Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) kể từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2009). Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn năm kể từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế (năm 2009) và được giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm (9 năm) tiếp theo.

Đối với hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013, thu nhập chịu thuế từ hoạt động khác của Công ty được bù trừ với số lỗ từ hoạt động chính theo quy định hiện hành về thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị sổ sách của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập tương ứng.

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND (chưa xoát xét)
Lãi để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.336.438.911	2.622.749.958
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	40.000.000	40.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	66

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn điều lệ, các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.363.461.471	33.020.144.762
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.116.148.196	10.534.248.094
Tổng cộng	33.479.609.667	43.554.392.856
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	36.803.123.177	40.713.613.644
Chi phí phải trả	508.406.078	1.345.480.000
Tổng cộng	37.311.529.255	42.059.093.644

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÁU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Tài sản	
	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	136.339.907	134.297.126

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Tỷ lệ thay đổi 2% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đồng Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ không ảnh hưởng trọng yếu.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ
DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA**

Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/6/2013	Dưới 1 năm VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.363.461.471
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.116.148.196
Tổng cộng	33.479.609.667
30/6/2013	Dưới 1 năm VND
Phải trả người bán và phải trả khác	36.803.123.177
Chi phí phải trả	508.406.078
Tổng cộng	37.311.529.255
Chênh lệch thanh khoản thuần	(3.831.919.588)
31/12/2012	Dưới 1 năm VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.020.144.762
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.534.248.094
Tổng cộng	43.554.392.856
31/12/2012	Dưới 1 năm VND
Phải trả người bán và phải trả khác	40.713.613.644
Chi phí phải trả	1.345.480.000
Tổng cộng	42.059.093.644
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.495.299.212

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

00-
NHÀ
NG T
HIỆM
017
T N
TP. H

**CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG DỊCH VỤ
DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA**

Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND (Chưa xoát xét)
Các Công ty thuộc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam		
Mua hàng, dịch vụ		
Công ty Căng Dịch vụ Dầu khí	1.359.028.382	-
Các công ty trong cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		
Bán hàng, dịch vụ		
Công ty Cổ phần Phân bón & hóa chất Dầu khí Miền Bắc	1.716.334.305	1.582.394.778
Công ty Cổ phần Xăng Dầu Dầu Khí Thái Bình	7.440.000	-
	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND (Chưa xoát xét)
Mua hàng, dịch vụ		
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	3.500.542.046	6.931.792.498
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu Nhờn PV OIL Miền Bắc	-	126.516.088
Thu nhập của Ban Giám đốc		
Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:		
	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Tiền lương và thu nhập khác	402.542.834	371.742.000
Số dư với các bên liên quan		
	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Các công ty thuộc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam		
Các khoản phải trả và phải trả khác		
Công ty Căng Dịch vụ Dầu khí	1.012.134.534	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	32.002.428.376	36.407.033.633

**CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG DỊCH VỤ
DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA**

Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Các công ty trong cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Các khoản phải thu

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	127.693.060	257.412.320
Công ty Cổ phần Xăng Dầu Dầu Khí Thái Bình	8.184.000	-


Các khoản phải trả và phải trả khác


Công ty bảo hiểm PVI Thanh Hóa	502.100.000	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	1.036.109.100	11.955.100

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 chưa được soát xét.


Nguyễn Hữu Hoan
Kế toán trưởng


Lê Văn Nga
Giám đốc
Ngày 12 tháng 8 năm 2013